

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/ DS - ST

Ngày: 04 - 5 - 2023

Vv tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Thương;

2. Ông Nguyễn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị L, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* - Ông Lê Hùng M, sinh năm 1975.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2022 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bà Hồ Thị L trình bày:

Bà L cùng với vợ chồng ông Lê Hùng M, bà Nguyễn Thị T là hàng xóm với nhau bà có cho vợ chồng M, T vay tiền hai lần, mục đích tiêu dùng trong gia đình, không tính lãi và không xác định thời hạn trả; cụ thể: Ngày 03/02/2016 cho vợ chồng M, T vay số tiền 10.000.000 đồng có viết giấy mượn tiền, sau đó cho vay thêm 5.000.000 đồng nữa nhưng không viết giấy tờ gì; tổng cộng là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Vì tuổi già sức yếu, thường xuyên đau ốm, kinh tế khó khăn nên bà L có hỏi nợ vợ chồng M, T nhiều lần nhưng vợ chồng M, T không trả số tiền nợ này cho bà.

Nay yêu cầu Tòa giải quyết: Buộc ông Lê Hùng M và vợ bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho bà số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn không có văn bản trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 09/10/2022 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Theo giấy mượn tiền đề ngày 03/02/2016 bà Lan có cho vợ chồng M, T vay số tiền 10.000.000 đồng có viết giấy nợ, sau đó cho vay thêm 5.000.000 đồng nữa nhưng không viết giấy tờ gì; tổng cộng là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), mục đích vay để tiêu dùng trong gia đình, không tính lãi và không xác định thời hạn trả; đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Tại khoản 01 Điều 469 Bộ luật Dân sự quy định cụ thể như sau: “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào,*

nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Sau khi cho vợ chồng M, T vay tiền, vì tuổi già thường xuyên đau ốm, kinh tế khó khăn; bà L có hỏi nợ vợ chồng M, T nhiều lần nhưng vợ chồng M, T không trả số tiền nợ này cho bà; như vậy, vợ chồng M, T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng. Việc bà L yêu cầu Tòa giải quyết: Buộc ông Lê Hùng M và vợ bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho bà, không yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, xét yêu cầu của bà L buộc vợ chồng M, T phải trả số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); thấy rằng, vợ chồng M, T vay số tiền 10.000.000 đồng có viết giấy mượn tiền ngày 03/02/2016; đối với số tiền nợ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh rằng vợ chồng M, T nợ số tiền này. Do đó, có cơ sở chấp nhận buộc vợ chồng M, T phải cho bà L trả số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn tiền án phí; bị đơn phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và 12; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 02 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 275, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Hùng M và vợ bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Hồ Thị L số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn).

Bác yêu cầu của bà Hồ Thị L buộc ông Lê Hùng M và vợ bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Hùng M và vợ bà Nguyễn Thị T phải nộp 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, sung vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chí Ngãi